

Ngày soạn: 4/12/2022

Ngày dạy: 7/12/2022

BÀI 19: BIỂU ĐỒ ĐOẠN THẲNG (3 TIẾT)

Tiết 33. BIỂU ĐỒ ĐOẠN THẲNG (Tiếp)

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức: Học xong tiết này, HS đạt các yêu cầu sau:

- Biết cách đọc dữ liệu từ biểu đồ đoạn thẳng.
- Nhận ra vấn đề, quy luật đơn giản từ việc phân tích biểu đồ đoạn thẳng.

2. Năng lực

- Năng lực chung:

- + Năng lực tự chủ và tự học trong tìm tòi khám phá
- + Năng lực giao tiếp và hợp tác trong trình bày, thảo luận và làm việc nhóm
- + Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo trong thực hành, vận dụng.

Năng lực riêng:

- + Tư duy và lập luận toán học: So sánh, phân tích dữ liệu tìm ra mối liên hệ giữa các đối tượng đã cho và nội dung bài học về biểu đồ đoạn thẳng, từ đó có thể áp dụng kiến thức đã học để giải quyết các bài toán.
- + Mô hình hóa toán học: Mô tả được các dữ liệu liên quan đến yêu cầu trong thực tiễn để lựa chọn các đối tượng cần giải quyết liên quan đến kiến thức toán học đã được học, thiết lập mối liên hệ giữa các đối tượng đó. Đưa về được thành một bài toán thuộc dạng đã biết.
- + Sử dụng công cụ, phương tiện học toán.
- + Đọc và mô tả dữ liệu từ biểu đồ đoạn thẳng.
- + Phát hiện quy luật đơn giản từ việc phân tích biểu đồ đoạn thẳng.

3. Phẩm chất

- Có ý thức học tập, ý thức tìm tòi, khám phá và sáng tạo, có ý thức làm việc nhóm, tôn trọng ý kiến các thành viên khi hợp tác.
- Chăm chỉ tích cực xây dựng bài, có trách nhiệm, chủ động chiếm lĩnh kiến thức theo sự hướng dẫn của GV.
- Hình thành tư duy logic, lập luận chặt chẽ, và linh hoạt trong quá trình suy nghĩ.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Đối với GV: SGK, Tài liệu giảng dạy, giáo án PPT, thước thẳng có chia khoảng.

2. Đối với HS: SGK, SBT, vở ghi, giấy nháp, đồ dùng học tập (bút, thước...), bảng nhóm, bút viết bảng nhóm.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (MỞ ĐẦU) (5 phút)

a) Mục tiêu: HS ôn lại kiến thức đã học về biểu đồ đoạn thẳng và tạo hứng thú vào bài học mới.

b) Nội dung: HS trả lời các câu hỏi trắc nghiệm trong trò chơi “Em tập làm thủ môn”.

c) Sản phẩm: HS trả lời được câu hỏi về biểu đồ đoạn thẳng.

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: - GV giới thiệu với HS trò chơi “Em tập làm thủ môn” Thẻ lệ - cách chơi: Em hãy ngăn cản các cầu thủ đưa bóng vào khung thành bằng cách trả lời đúng các câu hỏi đưa ra. Thời gian suy nghĩ cho mỗi câu hỏi là 30 giây Trả lời đúng tương ứng với việc em đã đỡ được trái bóng. Trả lời sai tương đương với việc các cầu thủ đã ghi bàn thắng vào lưới. - GV gọi HS trả lời các câu hỏi. - GV dẫn dắt vào bài mới: Ở tiết học trước, chúng ta đã được giới thiệu về các thành phần của biểu đồ đoạn thẳng. Trong tiết học hôm nay, chúng ta sẽ cùng tìm hiểu về cách đọc và phân tích dữ liệu trong biểu đồ đoạn thẳng. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: - HS theo dõi, trả lời các câu hỏi trắc nghiệm. - HS chú ý lắng nghe - GV: quan sát và trợ giúp HS. Bước 3: Báo cáo, thảo luận: - HS giơ tay phát biểu, trả lời câu hỏi - HS khác nhận xét, bổ sung. Bước 4: Kết luận, nhận định: GV tổng quát lại kiến thức.	Câu 1. Biểu đồ đoạn thẳng thường dùng để: A. So sánh các thành phần trong toàn bộ dữ liệu. B. Biểu diễn sự thay đổi của một đại lượng theo thời gian. C. Biểu diễn quy mô, số lượng, sản lượng, khối lượng của các đối tượng. D. So sánh một cách trực quan từng cặp số liệu của hai bộ dữ liệu cùng loại Câu 2. Trục ngang của biểu đồ đoạn thẳng biểu diễn điều gì? A. Các đối tượng B. Tiêu đề của biểu đồ C. Độ lớn của các đối tượng D. Thời gian Câu 3. Trục đứng của biểu đồ đoạn thẳng biểu diễn điều gì? A. Độ lớn của dữ liệu B. Thời gian C. Tùy vào mỗi biểu đồ D. Tiêu đề của biểu đồ

HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI (18 phút)

Hoạt động 2: Đọc và phân tích dữ liệu trong biểu đồ đoạn thẳng

a) Mục tiêu:

- Giúp HS biết cách đọc số liệu từ biểu đồ đoạn thẳng và nhận biết xu thế của số liệu.

b) Nội dung: HS quan sát SGK, nghe giảng, thực hiện các hoạt động làm HĐ1, 2, hoạt động nhóm làm Bài tập, làm Luyện tập 3, đọc hiểu Ví dụ 2.

c) Sản phẩm: HS đọc và phân tích dữ liệu trong biểu đồ đoạn thẳng.

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: - GV yêu cầu HS hoạt động cặp đôi trong 1 phút hoàn thành phiếu học tập 1: HĐ1, HĐ2 (SGK – tr101).	2. Đọc và phân tích dữ liệu trong biểu đồ đoạn thẳng HĐ1:

Từ đó nhận xét: biểu đồ đoạn thẳng giúp ta dễ dàng nhận ra điều gì về đại lượng ta đang quan tâm theo thời gian?

(Nhận ra xu thế của đại lượng).

- GV yêu cầu HS hoạt động nhóm trong 3 phút hoàn thành phiếu học tập nhóm:

Bài tập: Biểu đồ Hình 5.25 cho biết số lượt khách quốc tế đến Việt Nam trong những năm gần đây.



Hình 5.25. (Theo Tổng cục Du lịch)

a) Lập bảng thống kê số lượt khách quốc tế đến Việt Nam từ năm 2015 đến năm 2019.

b) Trong các năm từ 2015 đến 2019, số lượt khách quốc tế đến Việt Nam có xu hướng tăng hay giảm?

c) Từ năm 2015 đến năm 2019, năm nào số lượt khách quốc tế đến Việt Nam biến động nhiều nhất so với các năm còn lại?

+ Nếu độ dốc của biểu đồ đoạn thẳng lớn thì tốc độ tăng của đại lượng đó tăng càng nhiều hay càng ít?

Đưa ra chú ý cho HS.

- Gv gọi HS đọc **Ví dụ 2**.

- GV gọi HS lần lượt trả lời các câu hỏi Ví dụ 2.

- GV: Từ biểu đồ ta có thể so sánh được lượng bán máy tính để bàn và máy tính xách tay.

- GV hỏi: Quan sát biểu đồ Hình 5.26, hãy chỉ ra sự khác biệt giữa biểu đồ này với các biểu đồ đoạn thẳng trong các ví dụ trên?

Từ đó chú ý cho HS về biểu diễn nhiều bộ số liệu trên cùng một biểu đồ.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

- HS theo dõi SGK, chú ý nghe, tiếp nhận kiến thức, hoàn thành các yêu cầu.

- HS hoạt động cặp đôi làm HĐ1, HĐ2.

Năm	1979	1989	1999	2009	2019
Số dân (triệu người)	54,7	64,4	76,3	85,8	96,2

HĐ2:

Số dân Việt Nam tăng qua các năm.

Nhận xét:

Biểu đồ đoạn thẳng giúp ta dễ dàng nhận ra xu thế của đại lượng ta đang quan tâm theo thời gian.

Ví dụ 1 (SGK – tr102)

Chú ý:

Độ dốc của biểu đồ đoạn thẳng cho biết tốc độ tăng của đại lượng được biểu diễn trong biểu đồ.

Ví dụ 2 (SGK – tr102)

Chú ý:

Người ta biểu diễn nhiều bộ số liệu trên cùng một biểu đồ để dễ so sánh.

- HS hoạt động nhóm 4 HS hoàn thành phiếu học tập. - GV: quan sát và trợ giúp HS. Bước 3: Báo cáo, thảo luận: - Đại diện nhóm trình bày kết quả bài làm. - HS phát biểu, trả lời câu hỏi của GV - Một số HS khác nhận xét, bổ sung. Bước 4: Kết luận, nhận định: - GV tổng quát lại kiến thức trọng tâm.	
---	--

HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP (12 phút)

a) Mục tiêu: Học sinh củng cố lại kiến thức biểu đồ đoạn thẳng.

b) Nội dung: HS vận dụng các kiến thức bài học để làm Luyện tập 3 (SGK – tr103) và trả lời các câu hỏi trắc nghiệm.

c) Sản phẩm học tập: HS giải được bài về đọc dữ liệu, nhận ra xu thế của dãy số liệu

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: - GV yêu cầu HS áp dụng làm Luyện tập 3. - GV yêu cầu HS trả lời các câu hỏi trắc nghiệm trong phiếu học tập 2. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: - HS hoàn thành các bài tập GV yêu cầu. - HS làm Luyện tập 3. - HS làm phiếu bài tập 2. Bước 3: Báo cáo, thảo luận: - Mỗi bài tập GV mời đại diện các nhóm trình bày. Các HS khác chú ý chữa bài, theo dõi nhận xét bài các nhóm trên bảng. - HS giơ tay phát biểu, trình bày bài làm. Bước 4: Kết luận, nhận định: - GV quan sát và hỗ trợ. - GV chữa bài, chốt đáp án, tuyên dương các HS trả tốt, nhanh và chính xác.	Luyện tập 3: - Từ năm 2016 đến năm 2020, tỉ lệ HS biết bơi ở cả hai tỉnh đều có xu thế tăng. - Tỉ lệ HS biết bơi ở tỉnh A tăng nhanh. Phiếu học tập 2: Câu 1: Nhiệt độ trung bình tại Hà Nội vào năm 2014 là bao nhiêu? A. 24,6°C B. 25,1°C C. 25,2°C D. 25,3°C Câu 2: Trong giai đoạn 2014 – 2018, nhiệt độ tại Hà Nội cao nhất vào năm nào? A. 2014 B. 2015 C. 2016 D. 2017 Câu 3: Nhận xét nào sau đây đúng? A. Nhiệt độ trung bình các năm trong giai đoạn 2014 – 2018 đều nhỏ hơn 25°C B. Nhiệt độ trung bình các năm trong giai đoạn 2015 – 2018 đều lớn hơn 25°C C. Nhiệt độ trung bình các năm trong giai đoạn 2014 – 2018 tăng dần D. Nhiệt độ trung bình các năm trong giai đoạn 2015 – 2018 giảm dần

	Câu 4: Nhiệt độ trung bình của Hà Nội trong giai đoạn 2014 – 2018 là bao nhiêu? A. 25,6°C B. 25,06°C C. 24,85°C D. 25,2°C
--	---

HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG (8 phút)

a) Mục tiêu:

- Học sinh thực hiện làm bài tập vận dụng để nắm vững kiến thức bài học.

b) Nội dung: HS sử dụng SGK và vận dụng kiến thức đã học để làm bài 5.11 (SGK/105).

c) Sản phẩm: HS phân tích dữ liệu qua biểu đồ.

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS hoàn thành bài tập Bài 5.11 (SGK -tr105). - GV gọi 1 HS đứng tại chỗ trả lời. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS theo dõi, hoàn thành bài tập. - GV điều hành, quan sát, hỗ trợ. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS làm bài 5.11 (SGK/105) - HS khác theo dõi, đưa ý kiến. Bước 4: Kết luận, nhận định - GV nhận xét, đánh giá, đưa ra đáp án đúng.	Bài 5.11. a) Số dân của cả ba châu lục đều tăng theo thời gian. b) Từ năm 1950 đến năm 1980, trong ba châu lục, số dân của châu Âu luôn cao nhất, số dân của châu Phi luôn thấp nhất. c) Từ 1950 đến 1980 số dân của châu Âu tăng chậm nhất, tăng chưa đến 200 triệu người.

*** HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ (2 phút)**

- Ghi nhớ kiến thức trong bài.

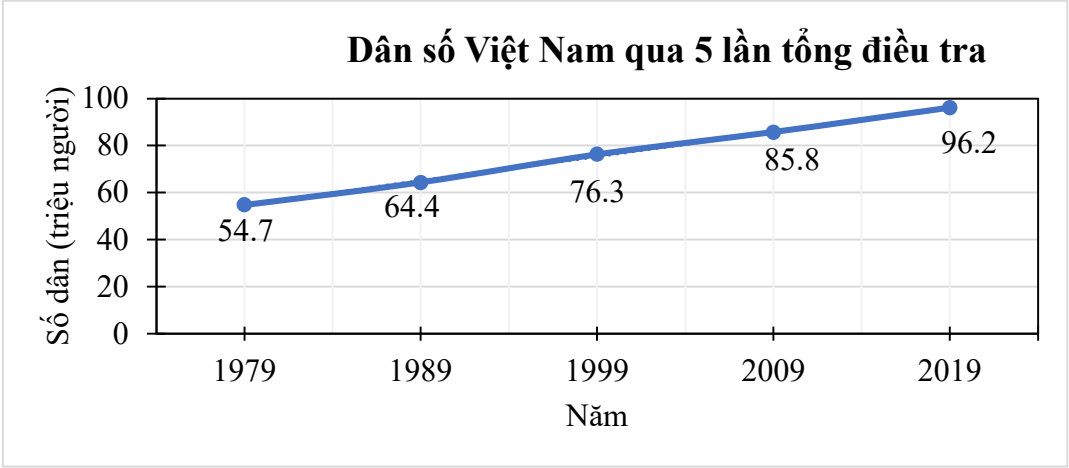
- Hoàn thành các bài tập trong SBT

- Chuẩn bị bài mới mục 3 Vẽ biểu đồ đoạn thẳng.

Nhóm HS:
Lớp: 7A1

PHIẾU HỌC TẬP 1

Quan sát biểu đồ và thực hiện các hoạt động sau:



1. Em hãy thống kê số dân của Việt Nam từ năm 1979 đến năm 2019 bằng cách hoàn thành bảng sau:

Năm	1979	1989	1999	2009	2019
Số dân (triệu người)	54,7		76,3		

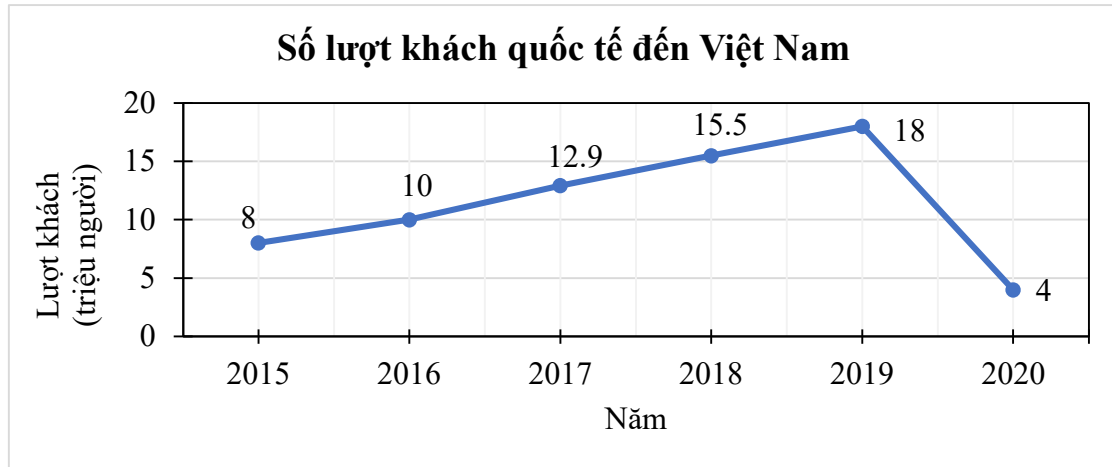
2. Số dân của Việt Nam tăng hay giảm qua các năm từ 1979 đến 2019?

.....
.....

PHIẾU HỌC TẬP

Nhóm

Biểu đồ Hình 5.25 cho biết số lượt khách quốc tế đến Việt Nam trong những năm gần đây.



Hình 5.25

a) Lập bảng thống kê số lượt khách quốc tế đến Việt Nam từ năm 2015 đến năm 2019.

b) Trong các năm từ 2015 đến 2019, số lượt khách quốc tế đến Việt Nam có xu hướng tăng hay giảm?

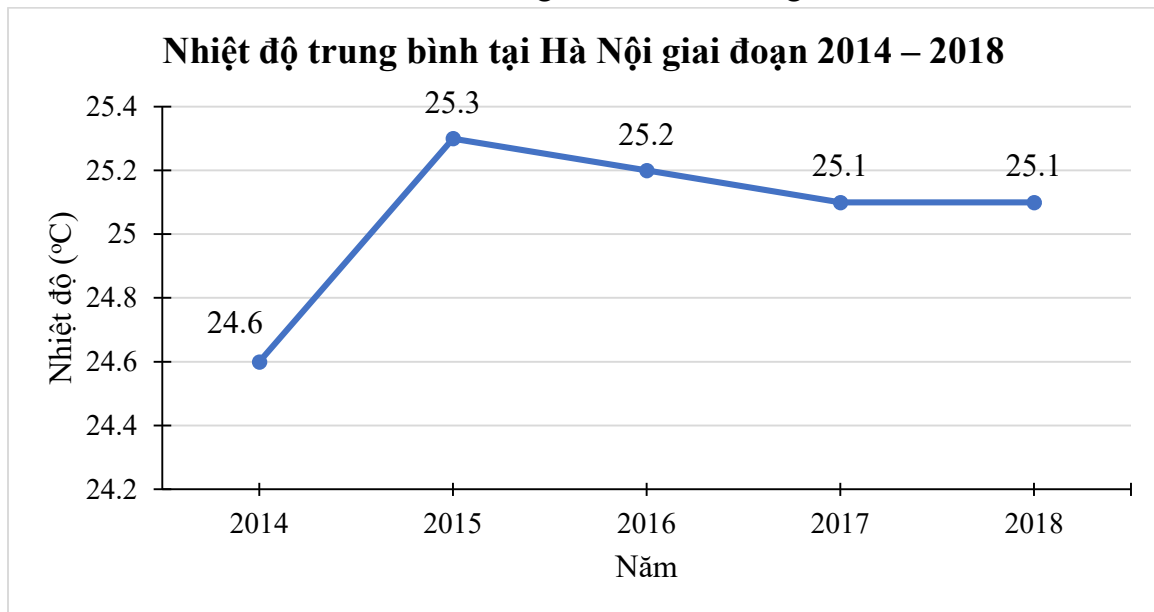
c) Từ năm 2015 đến năm 2019, năm nào số lượt khách quốc tế đến Việt Nam biến động nhiều nhất so với các năm còn lại?

Họ và tên:

Lớp: 7A1

PHIẾU HỌC TẬP 2

Cho biểu đồ biểu diễn Nhiệt độ trung bình tại Hà Nội giai đoạn 2014 – 2018.



Hình 1

Hãy sử dụng biểu đồ để trả lời các câu hỏi dưới đây:

Câu 1: Nhiệt độ trung bình tại Hà Nội vào năm 2014 là bao nhiêu?

- A. 24,6°C
- B. 25,1°C
- C. 25,2°C
- D. 25,3°C

Câu 2: Trong giai đoạn 2014 – 2018, nhiệt độ tại Hà Nội cao nhất vào năm nào?

- A. 2014
- B. 2015
- C. 2016
- D. 2017

Câu 3: Nhận xét nào sau đây đúng?

- A. Nhiệt độ trung bình các năm trong giai đoạn 2014 – 2018 đều nhỏ hơn 25°C
- B. Nhiệt độ trung bình các năm trong giai đoạn 2015 – 2018 đều lớn hơn 25°C
- C. Nhiệt độ trung bình các năm trong giai đoạn 2014 – 2018 tăng dần
- D. Nhiệt độ trung bình các năm trong giai đoạn 2015 – 2018 giảm dần

Câu 4: Nhiệt độ trung bình của Hà Nội trong giai đoạn 2014 – 2018 là bao nhiêu?

- A. 25,6°C
- B. 25,06°C
- C. 24,85°C
- D. 25,2°C